TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 05-11-2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thuận
2. Ông Lê Xuân Cường

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Quý - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Th, sinh năm 1990
Địa chỉ: Thôn 6, xã Tr, huyện C, tỉnh Đ (Có mặt)
Bị đơn: Anh Th1, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn 01, xã N , huyện C, tỉnh Đ (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 16/7/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Th trình bày:

Chị Th và anh Th1 kết hôn vào năm 2017, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã N , huyện C, tỉnh Đ.

Sau khi cưới anh chị cùng sống chung với gia đình anh Th1 tại xã N , huyện C, tỉnh Đ. Anh chị kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc được một năm. Từ năm 2018 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, trong cuộc sống và làm ăn kinh tế. Hiện nay anh chị đang sống ly thân. Xét vợ chồng tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th.

Về con chung: Chị Th và anh Th1 có một con chung là D, sinh ngày 30/6/2017 hiện nay đang được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th xác định không có.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, người làm chứng bà Th2 trình bày: Bà là mẹ anh Th1, anh Th1 và chị Th kết hôn tự nguyện, chung sống hạnh phúc được một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Th1 bị bệnh trầm cảm, không kiểm soát và làm chủ được bản thân, đã đi điều trị nhiều nơi nhưng không khỏi. Lần nào đi viện anh Th1 cũng trốn về nên gia đình không có hồ sơ bệnh án và cũng chưa có ai yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự. Vì bệnh của Th1 mà cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Mặc dù bà vẫn thương yêu chị Th như con gái nhưng do anh Th1 không đủ sức khỏe để đảm đương vai trò người chồng nên bà Th2 hoàn toàn đồng ý việc chị Th yêu cầu ly hôn anh Th1. Về cháu D , mặc dù gia đình đủ điều kiện chăm sóc cháu nhưng chị Th có nguyện vọng nuôi dưỡng nên bà Th2 đồng ý, không có ý kiến gì thêm.

Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh Th1 vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có yêu cầu giải quyết vắng mặt theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận. Về con chung xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của nguyên đơn đảm bảo, cháu D đang sống cùng chị Th nên đề nghị HĐXX chấp nhận giao con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu phân chia tài sản và nợ chung nên không đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Th1. Anh Th1 có hộ khẩu thường trú và sống tại xã N, huyện C, tỉnh Đ. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Anh Th1 đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 179, 208, 209, 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Th1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và người làm chứng khai nhận chị Th và anh Th1 chung sống và kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N , huyện C, tỉnh Đ vào ngày 03/4/2017 đúng quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn nên HĐXX xác định hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 là hợp pháp. Chị Th và anh Th1 chung sống hạnh phúc được một năm, từ năm 2018 vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Th1 bị bệnh và không làm chủ được hành vi nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung, hiện nay chị Th không còn tình cảm với anh Th. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay. Xét mâu thuẫn vợ chồng là có thật, không còn tình cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Th ly hôn anh Th1.

Về con chung: Chị Th và anh Th1 có một con chung là D, sinh ngày 30/6/2017; chị Th có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Xét hiện nay cháu D đang được chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo điều kiện phát triển về mọi mặt, do đó HĐXX cần áp dụng Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con chung cho chị Th trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

Chị Th không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng cho con nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều

56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Th được ly hôn anh Th1. Quan hệ hôn nhân giữa chị Thvà anh Th1 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 03/4/2017 của Ủy ban nhân dân xã N , huyện C, tỉnh Đ) chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung D, sinh ngày 30/6/2017 cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Trong trường hợp chị Th không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, anh Th1 hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh Th1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Th1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp anh Th1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002446 ngày 31/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ. Chị Thđã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã N ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN THỊ TRÚC LINH